

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-PT
Ngày 17-7-2025
V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Kim Liên.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long, ông Vũ Văn Nghĩa.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 10/2025/TLPT - HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc: Xin ly hôn. Do bản án hôn nhân và gia đình số: 94/2025/HNGĐ-ST ngày 23/5/2025 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Sơn La (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Sơn La) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐ-PT ngày 02/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Đức A, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Tổ dân phố 19/5, phường T, thị xã M, tỉnh Sơn La (nay là phường T, tỉnh Sơn La). Có mặt.

Bị đơn: Chị Phạm Thu T, sinh năm: 1995. Địa chỉ: Tổ dân phố 19/5, phường T, thị xã M, tỉnh Sơn La (nay là phường T, tỉnh Sơn La). Có mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Bùi Đức A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 26/02/2025, bản tự khai tại Tòa án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn anh Bùi Đức A trình bày:

Anh Bùi Đức A và chị Phạm Thu T kết hôn với nhau vào ngày 19/9/2014. Khi kết hôn anh Đức A và chị T đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phong Châu, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Sau ngày kết hôn vợ chồng anh chị về sống chung cùng với bố mẹ anh Đức A. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến tháng 05 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Bùi Đức A xin được ly hôn với chị Phạm Thu T.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Bùi Bảo C, sinh ngày 12/02/2015; cháu Bùi Hải Đ, sinh ngày 21/12/2017 và cháu Bùi Công T1, sinh ngày 02/3/2020.

Sau khi ly hôn anh Bùi Đức A xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Hải Đ và cháu Bùi Công T1 đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, giao cháu Bùi Bảo C cho chị Phạm Thu T nuôi dưỡng. Không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về vay nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Phạm Thu T trình bày:

Chị Phạm Thu T nhất trí như anh Bùi Đức A trình bày về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, quá trình chung sống từ sau khi kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh Bùi Đức A xin ly hôn với chị là do anh Bùi Đức A có quan hệ ngoại tình, từ đó anh Bùi Đức A về ruồng rẫy, hắt hủi chị. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T xin được đoàn tụ gia đình với anh Bùi Đức A để cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Nghề nghiệp chính là chăn nuôi, thu nhập bình quân hàng tháng là 6.000.000 đồng/tháng.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Bùi Bảo C, sinh ngày 12/02/2015; cháu Bùi Hải Đ, sinh ngày 21/12/2017 và cháu Bùi Công T1, sinh ngày 02/3/2020.

Trường hợp phải ly hôn, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Bảo C và cháu Bùi Công T1 đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và giao cháu Bùi Hải Đ cho anh Bùi Đức A nuôi dưỡng. Yêu cầu anh Bùi Đức A có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu Bùi Công T1 mỗi tháng là 5.000.000 đồng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 94/2025/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã M đã xét xử và quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận việc anh Bùi Đức A yêu cầu xin được ly hôn với chị Phạm Thu T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/6/2025, nguyên đơn anh Bùi Đức A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn anh Bùi Đức A và bị đơn chị Phạm Thu T thống nhất thỏa thuận về nội dung vụ án:

Về tình cảm: Nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị Phạm Thu T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Bùi Công T1, sinh ngày 02/3/2020; anh Bùi Đức A trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Bùi Bảo C, sinh ngày 12/02/2015 và cháu Bùi Hải Đ sinh ngày 21/12/2017. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 94/2025/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã M. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 4/6/2025, bị đơn anh Bùi Đức A có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 94/2025/DS-ST ngày 23/5/2025 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Sơn La. Xét thấy đơn kháng cáo trong hạn luật định, đảm bảo về

hình thức và nội dung theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự, do vậy được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn chị Phạm Thu T có địa chỉ cư trú tại phường T, thị xã M (nay là phường T), tỉnh Sơn La. Vì vậy Tòa án nhân dân thị xã M thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung vụ án:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp; các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, có đủ căn cứ để xác định anh Bùi Đức A và chị Phạm Thu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND phường Phong Châu, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng từ khi kết hôn hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn anh Bùi Đức A là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên anh Bùi Đức A đề nghị được ly hôn với chị Phạm Thu T.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự thống nhất thỏa thuận về nội dung vụ án:

Về tình cảm: Nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị Phạm Thu T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Bùi Công T1, sinh ngày 02/3/2020; anh Bùi Đức A trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Bùi Bảo C, sinh ngày 12/02/2015 và cháu Bùi Hải Đ sinh ngày 21/12/2017. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Đức A tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Xét thấy việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó cần sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã M, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên người kháng cáo nguyên đơn anh Bùi Đức A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 94/2025/HNGĐ-ST ngày 23/5/2025 của Tòa án nhân dân thị xã M (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Sơn La). Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Đức A và chị Phạm Thu T.

2. Về con chung: Anh Bùi Đức A được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Bùi Bảo C, sinh ngày 12/02/2015 và cháu Bùi Hải Đ sinh ngày 21/12/2017. Chị Phạm Thu T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Bùi Công T1, sinh ngày 02/3/2020 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Nguyên đơn anh Bùi Đức A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ và án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 002879 ngày 26/2/2025 và biên lai thu số 0003258 ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Sơn La (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 6 – Sơn La).

Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày (17/7/2025).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 6 – Sơn La;
- Tòa án nhân dân khu vực 6 - Sơn La;
- THA dân sự tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng GD, KTNV và THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Điêu Thị Kim Liên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Minh

Đinh Thị Mai Lan

Đỗ Tuấn Long